



TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Quang Trục*, Hoàng Trọng Hùng, Lương Ngọc Hà

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Lê Quang Trục <lequangtruc@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 16-9-2023; Ngày chấp nhận đăng: 23-10-2023)

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu sự tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Phương pháp tiến hành nghiên cứu gồm phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định và mô hình cấu trúc tuyến tính. Kết quả khảo sát 355 sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cho thấy: Giáo dục khởi nghiệp (gồm phương pháp dạy học, hỗ trợ của giảng viên và chương trình ngoại khóa) tác động cùng chiều đến ý định và thái độ khởi nghiệp của sinh viên. Thái độ khởi nghiệp tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp. Dựa vào kết quả nghiên cứu, các hàm ý quản trị được đề xuất nhằm phát triển giáo dục khởi nghiệp: (i) Kết nối chặt chẽ vào hệ sinh thái khởi nghiệp địa phương; (ii) Cần nhắc đưa chương trình đào tạo giáo dục khởi nghiệp thành học phần bắt buộc; (iii) Dạy học theo hướng case study và tăng cường tranh luận về ý tưởng hoặc dự án kinh doanh; (iv) Giảng viên tăng cường hỗ trợ sinh viên thông qua câu chuyện kinh doanh và khuyến khích họ làm quen với hoạt động kinh doanh; (v) Hoạt động ngoại khóa phải thực chất và kết nối sâu với cộng đồng doanh nhân; và (vi) Giáo dục để sinh viên thấu hiểu bản thân và có thái độ phù hợp với văn hoá thất bại.

Từ khoá: giáo dục khởi nghiệp, thái độ khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp, sinh viên

The impact of entrepreneurial education on students' entrepreneurial intentions: a case study at the University of Economics, Hue University

Le Quang Truc*, Hoang Trong Hung, Luong Ngoc Ha

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Le Quang Truc <lequangtruc@hueuni.edu.vn>

(Received: September 16, 2023; Accepted: October 23, 2023)

Abstract. This research was conducted to investigate the impact of entrepreneurial education on the entrepreneurial intentions of university students. The research methodology incorporates Exploratory Factor Analysis (EFA), Confirmatory Factor Analysis (CFA), and Structural Equation Modeling (SEM). The survey results from 355 students at University of Economics, Hue University revealed that entrepreneurial education, which encompasses teaching methods, faculty support, and extracurricular programs, had a positive influence on students' entrepreneurial intentions and their entrepreneurial attitudes. Entrepreneurial attitudes also positively influenced entrepreneurial intentions. Based on these findings, several implications are proposed to enhance entrepreneurial education, including (i) Close integration into the local entrepreneurial ecosystem; (ii) Consideration of making entrepreneurial education programs mandatory; (iii) Teaching through case studies and fostering debates on business ideas or projects; (iv) Enhancing faculty support by incorporating business storytelling and encouraging students to engage in real business activities; (v) Ensuring that extracurricular activities are substantial and deeply connected to the business community; and (vi) Assisting students in better understanding themselves and developing an appropriate attitude towards a culture of embracing failure.

Keywords: entrepreneurial education, entrepreneurial attitude, entrepreneurial intention

1 Đặt vấn đề

Giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và thực hiện trong nhiều năm gần đây. Những nghiên cứu này tìm thấy mối liên hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên, cụ thể là giáo dục khởi nghiệp tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, ví dụ như các nghiên cứu của Zahoor và Sumit [1], Doan và Sung [2], Hien và Cho [3], Liñán và Fayolle [4], Phan Anh Tú và Trần Quốc Huy [5], Phan Quốc Việt, Trác Anh Hào [6].

Tương tự, trong một nghiên cứu khác của Astebro & cộng sự [7] cho thấy rằng khởi nghiệp là chương trình giáo dục quan trọng đối với hầu hết sinh viên thuộc tất cả các khối ngành khác nhau. Điều này không chỉ giúp sinh viên khởi nghiệp thành công, mà còn giúp họ định hình con đường sự nghiệp đúng đắn nhờ nền tảng kiến thức được cung cấp từ chương trình giáo dục kinh doanh và khởi nghiệp. Như vậy, có thể nói rằng, giáo dục khởi nghiệp giúp sinh viên trang bị kiến thức, kỹ năng và tư duy giải quyết vấn đề, từ đó giúp họ giảm được rủi ro khi khởi nghiệp.

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế là một đại học đào tạo các ngành về kinh doanh, quản lý và kinh tế. Hiện nay, nhà trường chưa có chương trình đào tạo riêng về giáo dục khởi nghiệp, ví dụ như ngành học Khởi nghiệp hoặc Khởi sự doanh nghiệp. Thay vào đó là các học phần có kiến thức chuyên môn liên quan chặt chẽ đến khởi nghiệp như Khởi sự kinh doanh, Quản trị marketing, Hành vi khách hàng, Thương mại điện tử, Nghiên cứu thị trường và phân tích dữ liệu, Quản trị tài chính, Quản trị dịch vụ, Quản trị nhân sự,... đã được giảng dạy cho nhiều ngành học của Nhà trường. Tuy nhiên, ở Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu được tiến hành về tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học.

Xuất phát từ những lý do trên, và từ thực tiễn của giáo dục khởi nghiệp của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, bài báo này nhằm mục đích đánh giá tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong nhà trường, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm phát triển giáo dục khởi nghiệp được tốt hơn.

2 Tổng quan nghiên cứu

2.1 Giáo dục khởi nghiệp, thái độ khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp

Giáo dục khởi nghiệp

Theo định nghĩa của Parton, Robb và Valerio trong báo cáo Các chương trình giáo dục và đào tạo khởi nghiệp trên thế giới năm 2014 của Ngân hàng Thế giới, thì giáo dục khởi nghiệp là giáo dục nhằm chia sẻ mục tiêu lớn là cung cấp cho các cá nhân kiến thức, tư duy và kỹ năng khởi nghiệp để hỗ trợ sự tham gia và thực hiện các hoạt động khởi nghiệp [8]. Trung tâm lãnh đạo khởi nghiệp Kauffman của Mỹ lại cho rằng, giáo dục và đào tạo khởi nghiệp là quá trình cung cấp cho cá nhân những khái niệm và kỹ năng để nhận ra những cơ hội mà những người khác đã bỏ qua, và để có cái nhìn sâu sắc và lòng tự trọng để hành động khi những người khác đã do dự. Giáo dục và đào tạo khởi nghiệp bao gồm hướng dẫn về nhận thức cơ hội, nắm bắt nguồn lực khi đối mặt với rủi ro và bắt đầu khởi sự kinh doanh. Nó cũng bao gồm hướng dẫn

các quy trình quản lý kinh doanh như lập kế hoạch kinh doanh, phát triển vốn, marketing và phân tích dòng tiền.

Sự hỗ trợ của giảng viên là một trong những yếu tố môi trường được coi là có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua việc góp phần hình thành tri thức và kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp, theo Liñán và Fayolle [4]. Việc này có thể hiểu là đội ngũ giảng viên chất lượng tốt sẽ hỗ trợ tốt cho sinh viên về chuyên môn (tư duy, kiến thức, kỹ năng), tư vấn và phản hồi, tạo lập môi trường học tập, kết nối các mạng lưới nghề nghiệp, ...

Có rất nhiều hoạt động giáo dục và hỗ trợ mà các trường đại học cung cấp cho sinh viên để thúc đẩy tinh thần kinh doanh, trong đó các hoạt động ngoại khóa đóng một vai trò rất quan trọng. Ngoài ra, Souitaris và cộng sự cho rằng, các hoạt động ngoại khóa khởi nghiệp liên quan đến hành động, trải nghiệm và sự mới mẻ, có thể được tổ chức bên trong hoặc bên ngoài trường đại học và nằm ngoài phạm vi chương trình giảng dạy chính thức của giáo dục đại học [9]. Các hoạt động ngoại khóa khởi nghiệp bổ sung cho các môn học bắt buộc của chương trình giảng dạy chính thức trong giáo dục đại học. Những hoạt động này được cung cấp để thúc đẩy sáng kiến khởi nghiệp, nhằm cung cấp hỗ trợ phù hợp cho ý định bắt đầu một dự án kinh doanh của sinh viên [10].

Thái độ khởi nghiệp

Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp thể hiện sự đánh giá tích cực hay tiêu cực, ủng hộ hay phản đối của một cá nhân về hành vi dự định thực hiện. Như vậy, khi sinh viên có thái độ hứng thú với việc khởi nghiệp, đồng thời thấy được lợi ích và khi có cơ hội và nguồn lực thì họ có thể tiến hành khởi nghiệp. Ở một khía cạnh khác, Krueger cho rằng, các yếu tố khác ảnh hưởng đến thái độ đối với hành vi kinh doanh như tâm thế chấp nhận rủi ro, sự tự do, độc lập [11].

Ý định khởi nghiệp

Xuất phát từ các lý thuyết về nhận thức xã hội (social cognitive theory) và lý thuyết về hành vi hợp lý, nhiều nghiên cứu trên nền tảng quan điểm nghiên cứu của Ajzen [12], Krueger và cộng sự đã phát triển mảng nghiên cứu về dự định khởi nghiệp. Theo đó, khởi nghiệp là một loại hành vi có kế hoạch và ý định khởi nghiệp là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch tạo lập doanh nghiệp [11]. Ý định được bắt nguồn từ việc nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình. Mặc dù các doanh nhân khởi nghiệp là để khai thác, tận dụng

một cơ hội của thị trường nhưng trước khi đi tới quyết định thành lập doanh nghiệp, một doanh nhân đã phải nghĩ tới, ham thích và có ý định khởi nghiệp, từ đó họ mới tìm kiếm cơ hội, tìm kiếm tài chính và đối tác. Tương tự, Souitaris và cộng sự cũng cho rằng, ý định khởi nghiệp có thể được định nghĩa là ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp mới [9].

Theo quan điểm của Ajzen khi phát triển Lý thuyết về hành vi có kế hoạch thì hoạt động khởi nghiệp không phải là hành động của một thời điểm mà nó là kết quả của cả một quá trình. Quá trình này bắt đầu từ lúc một cá nhân có dự định khởi nghiệp, trong những điều kiện thuận lợi của môi trường, dự định sẽ biến thành hành động. Hành động khởi nghiệp diễn ra nếu một cá nhân có thái độ tốt, có suy nghĩ, dự định về hành động đó [12]. Bên cạnh đó, trong một nghiên cứu về các mô hình cạnh tranh của ý định khởi nghiệp, Krueger và cộng sự cũng cho rằng, một dự định mạnh mẽ sẽ luôn dẫn tới nỗ lực để bắt đầu khởi sự công việc kinh doanh mới, mặc dù việc khởi nghiệp có thể nhanh hay chậm lại do điều kiện hoàn cảnh môi trường xung quanh. Do vậy, ý định khởi nghiệp có khả năng dự báo chính xác các hành vi khởi nghiệp trong tương lai [11].

2.2 Giả thuyết, mô hình nghiên cứu và thang đo

Môi trường giáo dục, trong đó có phương pháp giảng dạy và sự hỗ trợ của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Giáo dục sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ để theo đuổi sự nghiệp kinh doanh. Môi trường giáo dục sẽ bồi dưỡng tinh thần kinh doanh cùng hoạt động trải nghiệm của sinh viên để tự tin khởi nghiệp. Môi trường giáo dục đã được khẳng định có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nhận thức xã hội như một khung lý thuyết rõ ràng để hiểu giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp. Lý thuyết học tập trải nghiệm chỉ ra rằng kinh nghiệm là một nguồn tin quý giá để học hỏi, thay đổi và phát triển tư duy, mọi người đều học hỏi từ kinh nghiệm của họ [13, 14].

Các hoạt động ngoại khóa tạo ra một môi trường hỗ trợ trong đó sinh viên trải nghiệm các hoạt động kinh doanh và khởi nghiệp, đồng thời nâng cao nhận thức và thái độ về tinh thần kinh doanh [15]. Do đó, ý định khởi nghiệp có thể được nâng cao thông qua kiến thức và vốn xã hội mà sinh viên thu được từ hoạt động ngoại khóa. Doan và Sung và Pittaway và cs. cho thấy việc tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh, các cuộc thi hoặc hoạt động của câu lạc bộ khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của một cá nhân [2, 16].

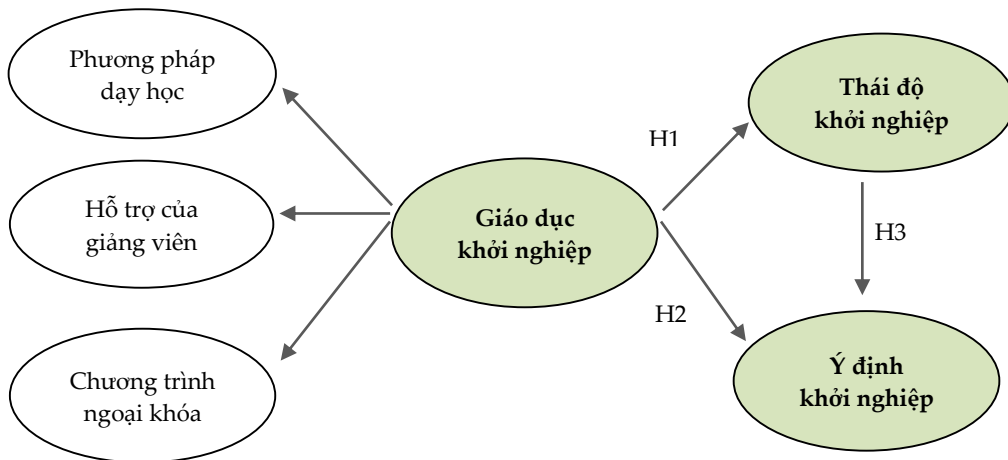
Trên cơ sở đó, giả thuyết 1 và giả thuyết 2 được phát biểu như sau:

Giả thuyết 1 (H1): Giáo dục khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến thái độ khởi nghiệp của sinh viên; *Giả thuyết 2 (H2):* Giáo dục khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Thái độ đối với khởi nghiệp, trong nghiên cứu này, đó là sự đánh giá tích cực hay tiêu cực, ủng hộ hay phản đối của một người có dự định đối với hành vi kinh doanh mà họ hướng tới. Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp đã được khẳng định có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, điều này được thấy trong các nghiên cứu của Phan Anh Tú và Trần Quốc Huy [5], Phan Quốc Việt và Trác Anh Hào [6], Lê Ngọc Đoàn Trang và Nguyễn Minh Lâu [13].

Vì vậy, giả thuyết 3 được phát biểu như sau:

Giả thuyết 3 (H3): Thái độ khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Bảng 1. Thang đo các biến nghiên cứu

Nhân tố	Biến nghiên cứu	Nguồn
Giáo dục khởi nghiệp	<i>Phương pháp dạy học</i>	
	1. Tôi được dạy cách suy nghĩ sáng tạo	
	2. Tôi được dạy cách đưa ra ý tưởng kinh doanh	
	3. Tôi được dạy cách đánh giá ý tưởng kinh doanh	
	4. Tôi được dạy cách chuyển ý tưởng thành hành động	
	5. Tôi được dạy cách tạo ra một doanh nghiệp	[17]
	6. Tôi được dạy vai trò của doanh nhân trong xã hội	
	<i>Hỗ trợ của giảng viên</i>	
	7. Giảng viên thường chia sẻ những câu chuyện khởi nghiệp	
	8. Giảng viên khuyến khích tôi đưa ra các ý tưởng	
	9. Giảng viên khuyến khích tôi làm quen với hoạt động KD và khởi nghiệp	
	<i>Chương trình ngoại khóa</i>	
10. Chương trình ngoại khóa có vai trò quan trọng đối với tôi		
11. Chương trình ngoại khóa đa dạng và luôn sẵn sàng		
12. Chương trình ngoại khóa được tổ chức tốt	[3]	
Thái độ khởi nghiệp	13. Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một lựa chọn sự nghiệp	
	14. Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là thách thức để đạt mục tiêu	
	15. Tôi nghĩ rằng trở thành doanh nhân mang lại sự hài lòng	
Ý định khởi nghiệp	16. Tôi thường nghĩ về việc khởi nghiệp	
	17. Tôi có những ý tưởng kinh doanh trong thời gian tới	[17]
	18. Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành ông chủ của mình	
	19. Tôi sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu kinh doanh	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với đối tượng khảo sát là sinh viên năm 3 và năm 4 của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế – những người đã được tiếp cận nhiều học phần liên quan đến giáo dục khởi nghiệp. Thang đo được sử dụng là 19 biến với 5 thành phần bao gồm: thành phần giáo dục khởi nghiệp được tách thành 3 nhóm (i) Phương pháp dạy học (6 biến), (ii) Hỗ trợ của giảng viên (3 biến), (iii) Hoạt động ngoại khóa (3 biến); và 2 thành phần còn lại là (iv) Thái độ đối với khởi nghiệp (3 biến), và (v) Ý định khởi nghiệp (4 biến). Các biến quan sát được đo lường theo thang đo Likert 5 điểm được dùng để sắp xếp từ nhỏ đến lớn với số càng lớn là càng đồng ý (1 - hoàn toàn không đồng ý; 5 - hoàn toàn đồng ý). Ngoài các thang đo trên tác giả còn sử dụng các thang đo định danh, thang đo thứ bậc để sàng lọc đối tượng phỏng vấn và thu thập các thông tin cá nhân của đối tượng phỏng vấn như: ngành học, năm học, và các đặc điểm khác về nhân khẩu; ...

Việc khảo sát được thực hiện trực tiếp tại lớp học và trực tuyến qua link kèm biểu mẫu của google trong hai tháng: 11 và 12 năm 2022. Số mẫu khảo sát là 300 phiếu để đảm bảo điều kiện phân tích cấu trúc tuyến tính với phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn.

Với sinh viên năm 3, việc khảo sát được thực hiện bằng hình thức trực tiếp tại lớp học vào thời gian nghỉ giải lao giữa giờ học. Sau khi điều tra viên giới thiệu mục đích của việc khảo sát, sinh viên tự điền thông tin vào phiếu. Đối với sinh viên năm 4, vì trong thời gian khảo sát họ đang tham gia hoạt động thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, cho nên nhóm nghiên cứu sử dụng phương thức trực tuyến (gửi link google form thông qua các thầy cô là giảng viên hướng dẫn).

Số phiếu thu về là 365 phiếu, trong đó có 265 phiếu trực tiếp và 100 phiếu online. Có 10 phiếu thông tin điền không đầy đủ nên bị loại. Như vậy, số phiếu được đưa vào xử lý dữ liệu là 355 phiếu. Nhóm nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định, mô hình cấu trúc tuyến tính để xử lý và phân tích dữ liệu.

4 Kết quả nghiên cứu

4.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Trong số 355 mẫu khảo sát, sinh viên nữ chiếm 73,2%, tương đương 260 người, nam sinh chiếm 24,5%, tương đương 87 người, còn lại là không trả lời vào mục giới tính. Xét về năm học, sinh viên năm thứ 3 chiếm gần 73,2% (tương đương 260 sinh viên), còn lại là sinh viên năm 4 là 26,8% (tương đương 95 sinh viên). Trong đó, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất với 60,3%, tiếp theo là sinh viên ngành Marketing (23,9%), Kinh doanh thương mại (10,4%), hai ngành Quản trị nhân sự và Thương mại điện tử chiếm tỷ trọng lần lượt là 2,8% và 2,5%.

Khi được hỏi về hiện trạng làm thêm, kết quả khảo sát cho thấy, số sinh viên đã đi làm thêm chiếm 84,8% tương đương 301 người, số sinh viên chưa đi làm thêm chỉ chiếm 15,2%, tương đương 54 người. Về hiện trạng tự kinh doanh của sinh viên, chỉ có 4,7% sinh viên đang tự kinh doanh tương đương 17 người; 32,4% đã từng kinh doanh tương đương 115 người; số sinh viên hiện không có hoặc chưa có ý định tự kinh doanh chiếm đến 49,6% tương đương 176 người. Tương tự, khi được hỏi về việc có người quen hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hay không, có đến 235 sinh viên trả lời là “Có” chiếm đến 66,2%; số còn lại chiếm 33,8% (trong đó có 1 người không trả lời vào các mục được hỏi).

Trong số 355 đáp viên, có 87 người đã và đang tham gia khóa học về kinh doanh và khởi nghiệp không thuộc chương trình đào tạo của Nhà trường, chiếm 24,5%; 40 người đang có ý định học (11,3%); 227 người chưa tham gia học (63,9%). Đối với câu hỏi ‘tham gia cuộc thi kinh doanh/khởi nghiệp’ thì có 298 sinh viên không tham gia (83,9%), đã tham gia là 32 người (9%), có 25 người đang dự định tham gia (7%).

Bảng 2. Thống kê mô tả về đối tượng khảo sát

Tiêu thức phân loại		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số		355	100,0
Sinh viên năm thứ	Năm 3	260	73,2
	Năm 4	95	26,8
Ngành học	Marketing	85	23,9
	Quản trị nhân sự	10	2,8
	Thương mại điện tử	9	2,5
	Quản trị kinh doanh	214	60,3
	Kinh doanh thương mại	37	10,4
Giới tính	Nữ	260	73,2
	Nam	87	24,5
	Khác	3	0,8
Có đi làm thêm	Chưa đi làm thêm	54	15,2
	Đi làm dưới 3 tháng	70	19,7
	Đi làm 3 - 6 tháng	72	20,3
	Đi làm trên 6 tháng	159	44,8
Có người quen kinh doanh	Không	119	33,5
	Có	236	66,5
Học khóa đào tạo kinh doanh/khởi nghiệp	Không	227	63,9
	Đã từng học	78	22,0
	Đang học	9	2,5
	Đang có ý định học	40	11,3
Tham gia cuộc thi kinh doanh/khởi nghiệp	Không	298	83,9
	Đã từng tham gia	28	7,9
	Đang tham gia	4	1,1
	Đang có ý định tham gia	25	7,0
Tối tự kinh doanh	Không	177	49,9
	Đã từng kinh doanh	115	32,4
	Đang kinh doanh	17	4,8
	Đang có ý định kinh doanh	46	13,0

Nguồn: Kết quả điều tra và xử lý từ SPSS

4.2 Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Trong thống kê, Cronbach's Alpha từ 0,8 đến gần 1 thì thang đo tốt, từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được, từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu. Các thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và các hệ số α lần lượt là: 0,875 (phương pháp dạy học), 0,816 (hỗ trợ của giảng viên), 0,849 (chương trình ngoại khóa), 0,716 (thái độ đối với khởi nghiệp), và 0,819 (ý định khởi nghiệp). Như vậy, các thang đo đáp ứng được độ tin cậy trong nghiên cứu.

4.3 Phân tích nhân tố khám phá EFA đối với thang đo

Khi phân tích EFA, tác giả thực hiện với phép trích Principal Axis Factoring với phép xoay Promax và điểm dừng khi trích các yếu tố có Eigenvalue > 1. Các thang đo với 19 biến quan sát đạt độ tin cậy Cronbach's alpha được đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Kết quả kiểm định Bartlett trong bảng kiểm định KMO và Bartlett's với sig = 0,000 cho thấy điều kiện cần để áp dụng phân tích nhân tố là các biến phải có tương quan với nhau đạt yêu cầu. Chỉ số KMO = 0,938 > 0,5 cho thấy điều kiện đủ để phân tích nhân tố là thích hợp đạt yêu cầu. Tại các mức giá trị Eigenvalues lớn hơn 1 với phương pháp rút trích Principal axis factoring và phép xoay Promax, phân tích nhân tố đã trích được 5 nhân tố từ 19 biến quan sát và với tổng phương sai trích là 67,699% (lớn hơn 50%) đạt yêu cầu. Như vậy, các biến quan sát giải thích được 67,699% sự biến thiên của biến thiên của toàn bộ dữ liệu.

Dựa vào kết quả bảng ma trận xoay (Pattern Matrix), các biến đạt yêu cầu với hệ số tải nhân tố > 0,5 được nhóm thành năm nhân tố. Các nhân tố này được gom lại và đặt tên cụ thể như sau: Nhân tố thứ nhất: Gồm 6 biến quan sát, được đặt tên là phương pháp dạy học, ký hiệu là **PPDH**; Nhân tố thứ hai: Gồm 3 biến quan sát, được đặt tên là hỗ trợ của giảng viên, ký hiệu là **HotroGV**; Nhân tố thứ ba: Gồm 3 biến quan sát, được đặt tên là chương trình ngoại khóa, ký hiệu là **Ctngoaikhoa**; Nhân tố thứ tư: Gồm 3 biến quan sát, được đặt tên là thái độ đối với khởi nghiệp, ký hiệu là **ThaidoKN**; Nhân tố thứ năm: Gồm 4 biến quan sát, được đặt tên là ý định khởi nghiệp, ký hiệu là **YdinhKN**.

Bảng 3. Kết quả phân tích EFA

Nhân tố	Các biến đo lường	Các nhân tố trích				
		1	2	3	4	5
PPDH	Tôi được dạy cách suy nghĩ sáng tạo	0,802				
	Tôi được dạy cách đưa ra ý tưởng KD	0,765				
	Tôi được dạy cách đánh giá ý tưởng KD	0,746				
	Tôi được dạy cách chuyển ý tưởng thành hành động	0,737				
	Tôi được dạy cách tạo ra một DN	0,614				
	Tôi được dạy vai trò của doanh nhân trong xã hội	0,614				
HotroGV	Giảng viên thường chia sẻ những câu chuyện về kinh doanh và khởi nghiệp		0,804			
	Giảng viên khuyến khích tôi đưa ra các ý tưởng KD		0,749			
	Giảng viên khuyến khích tôi làm quen với hoạt động kinh doanh và khởi nghiệp		0,741			
CTngoaikhoa	Chương trình ngoại khóa của trường đa dạng và luôn sẵn sàng để tôi tham gia			0,879		
	Chương trình ngoại khóa của trường được tổ chức tốt			0,788		
	Chương trình ngoại khóa của trường có vai trò quan trọng đối với tôi			0,775		
ThaidoKN	Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một thách thức để đạt được mục tiêu				0,854	
	Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một lựa chọn để phát triển sự nghiệp				0,742	
	Tôi nghĩ rằng việc trở thành doanh nhân mang lại cho tôi sự hài lòng				0,674	
YdinhKN	Tôi có những ý tưởng KD sắp thực hiện					0,825
	Tôi thường nghĩ về việc khởi nghiệp					0,79
	Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành ông chủ của chính mình					0,744
	Tôi sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu công việc KD					0,703
<i>Mức ý nghĩa (Sig. trong kiểm định Bartlett)</i>						0
<i>Hệ số KMO</i>						0,87
<i>Tổng phương sai trích</i>						67,699

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

4.3 Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Tiêu chuẩn cho sự phù hợp của mô hình qua các chỉ số bao gồm: CMIN/df ≤ 3 là tốt, CMIN/df ≤ 5 là chấp nhận được; CFI $\geq 0,9$ là tốt, CFI $\geq 0,95$ là rất tốt, CFI $\geq 0,8$ là chấp nhận được; GFI $\geq 0,9$ là tốt, GFI $\geq 0,95$ là rất tốt; RMSEA $\leq 0,06$ là tốt, RMSEA $\leq 0,08$ là chấp nhận được.

Bảng 4. Kết quả đo lường mức độ phù hợp của mô hình

Chỉ số	CMIN/DF	GFI	CFI	RMSEA
Giá trị	2,529	0,906	0,926	0,066

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

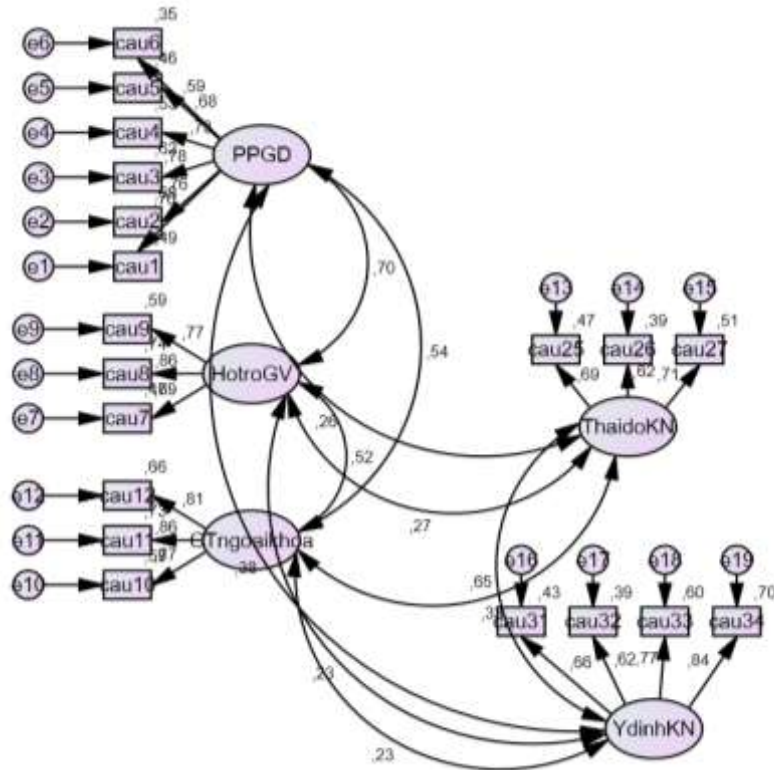
Từ bảng trên ta thấy các chỉ số đánh giá đều thỏa mãn các điều kiện của mô hình phù hợp. Cho nên mô hình là phù hợp với dữ liệu thực tế. Ngoài ra cần xem xét các chỉ số khác về độ tin cậy thang đo, giá trị hội tụ, tính đơn nguyên, giá trị phân biệt. Các ngưỡng so sánh của 4 chỉ số trên tương ứng với các kiểm định về Validity và Reliability như sau: Độ tin cậy (Reliability): Standardized Loading Estimates $\geq 0,5$ (lý tưởng là $\geq 0,7$); Composite Reliability (CR) $\geq 0,7$. Tính hội tụ (Convergent): Average Variance Extracted (AVE) $\geq 0,5$

Bảng 5. Độ tin cậy tổng hợp và phương sai trích bình quân

Nhân tố	Độ tin cậy tổng hợp CR $\geq 0,7$	Phương sai trích bình quân AVE $\geq 0,5$
PPDH	0,846	0,524
HotroGV	0,914	0,541
CTngoaikhoa	0,869	0,526
ThaidoKN	0,858	0,549
YdinhKN	0,857	0,544

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

Thang đo được đánh giá là đáng tin cậy khi độ tin cậy tổng hợp CR $\geq 0,7$ và phương sai trích bình quân AVE $\geq 0,5$. Như vậy, kết quả phân tích cho thấy thang đo này có độ tin cậy tốt. Bên cạnh đó, các trọng số đã chuẩn hóa ở cột Estimate đều lớn hơn 0,5 là có ý nghĩa thống kê nên các giá trị đạt được giá trị hội tụ.



Hình 2. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

4.4 Đánh giá của sinh viên về giáo dục khởi nghiệp, thái độ khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp

Đánh giá của sinh viên về giáo dục khởi nghiệp

Giáo dục khởi nghiệp được hợp thành từ 3 thành phần, gồm: phương pháp dạy học, hỗ trợ của giảng viên và chương trình ngoại khóa.

Giá trị trung bình của các biến quan sát thuộc nhân tố ‘Phương pháp dạy học’ nằm trong khoảng từ 3,3–3,7 trong thang đánh giá Likert 5 mức độ, tức là được đánh giá xoay quanh giá trị ‘trung lập’, trong đó được đánh giá cao nhất là ‘tôi được dạy cách suy nghĩ sáng tạo’ và ‘tôi được dạy cách đưa ra ý tưởng kinh doanh’ và ‘tôi được dạy vai trò của doanh nhân trong xã hội’ với

Bảng 6. Đánh giá của sinh viên về phương pháp dạy học

Biến quan sát	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Tôi được dạy cách suy nghĩ sáng tạo	3,7352	0,88794
Tôi được dạy cách đưa ra ý tưởng kinh doanh	3,7042	0,95955
Tôi được dạy cách đánh giá ý tưởng kinh doanh	3,5746	0,92482
Tôi được dạy cách chuyển ý tưởng thành hành động	3,5746	0,95783
Tôi được dạy cách tạo ra một doanh nghiệp	3,3465	1,00898
Tôi được dạy vai trò của doanh nhân trong xã hội	3,7296	0,90828

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

giá trị trung bình 3,7. Kết quả khảo sát trên cho thấy rằng sinh viên đánh giá với mức độ chưa cao (dưới 4) về phương pháp dạy học của giảng viên liên quan đến hoạt động giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường.

Với nhóm nhân tố ‘Hỗ trợ của giảng viên’, kết quả đánh giá của sinh viên cho thấy rằng giá trị trung bình khoảng 3,9 – 4,2 trong thang đánh giá Likert 5 mức độ, tức là xoay quanh giá trị trung bình là 4 (mức độ đồng ý), trong đó được đánh giá cao nhất là ‘giảng viên thường chia sẻ những câu chuyện kinh doanh và khởi nghiệp’. Từ kết quả trên, có thể nhận định rằng giảng viên đã có những khuyến khích và động viên cho sinh viên tham gia các hoạt động khởi nghiệp và kinh doanh thông qua những câu chuyện truyền cảm hứng được chia sẻ trong các buổi đào tạo.

Về nhóm nhân tố ‘Chương trình ngoại khóa’ dành cho sinh viên về hoạt động khởi nghiệp và kinh doanh, số liệu khảo sát từ đánh giá của sinh viên cho thấy rằng giá trị trung bình tầm khoảng 3,5 theo thang đánh giá Likert 5 mức độ, tức là trên giá trị ‘trung lập’ nhưng dưới giá trị

Bảng 7. Đánh giá của sinh viên về hỗ trợ của giảng viên

Biến quan sát	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Giảng viên thường chia sẻ những câu chuyện về KD và khởi nghiệp	4,2225	0,83602
Giảng viên khuyến khích tôi đưa ra các ý tưởng KD	3,9296	0,92247
Giảng viên khuyến khích tôi làm quen với hoạt động KD và khởi nghiệp	3,9352	0,90121

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

Bảng 8. Đánh giá của sinh viên về chương trình ngoại khóa

Biến quan sát	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Chương trình ngoại khóa của trường có vai trò quan trọng đối với tôi	3,6394	1,05478
Chương trình ngoại khóa đa dạng và luôn sẵn sàng để tôi tham gia	3,5408	1,02533
Chương trình ngoại khóa của trường được tổ chức tốt	3,5634	0,99621

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

‘đồng ý’. Từ đó cho thấy rằng, nhà trường chưa có nhiều chương trình ngoại khóa và các chương trình này chưa được tổ chức tốt để phục vụ nhu cầu của sinh viên về khởi nghiệp và kinh doanh.

Đánh giá của sinh viên về thái độ khởi nghiệp

Kết quả cho thấy rằng sinh viên nghiêng về phương án lựa chọn ‘đồng ý’ (giá trị trung bình gần 4) khi được hỏi về thái độ khởi nghiệp thông qua 3 biến quan sát ‘tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một lựa chọn để phát triển sự nghiệp’, ‘tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một thách thức để đạt mục tiêu’ và ‘tôi nghĩ rằng trở thành doanh nhân mang lại cho tôi sự hài lòng’.

Đánh giá của sinh viên về ý định khởi nghiệp

Về nhân tố ‘ý định khởi nghiệp’, kết quả khảo sát sinh viên năm 3 và năm 4 của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cho thấy nhận định ‘mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành ông chủ của chính mình’ và ‘tôi sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu công việc kinh doanh’ có giá trị trung bình gần bằng 4 (mức ‘đồng ý’), còn hai nhận định còn lại ‘tôi thường nghĩ về khởi nghiệp’ và ‘tôi có những ý tưởng kinh doanh sắp thực hiện trong thời gian tới’ có mức độ đánh giá thấp hơn, lần lượt có giá trị trung bình được đánh giá là 3,6 và 3,3 trên thang đo Likert 5 mức độ.

Bảng 9. Đánh giá của sinh viên về thái độ đối với khởi nghiệp

Biến quan sát	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một lựa chọn để phát triển sự nghiệp	3,9296	0,90703
Tôi nghĩ rằng khởi nghiệp là một thách thức để đạt được mục tiêu	4,0056	0,82337
Tôi nghĩ rằng việc trở thành doanh nhân mang lại cho tôi sự hài lòng	3,7859	0,95924

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

Bảng 10. Đánh giá của sinh viên về ý định khởi nghiệp

Biến quan sát	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Tôi thường nghĩ về việc khởi nghiệp	3,5803	1,06625
Tôi có những ý tưởng kinh doanh sắp thực hiện	3,2958	1,08397
Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành ông chủ của mình	3,9690	0,97809
Tôi sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu công việc kinh doanh	3,9831	0,95358

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

4.5 Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Trong kiểm định giả thuyết và mô hình nghiên cứu, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM có nhiều ưu điểm hơn các phương pháp phân tích hồi qui bội, hồi qui đa biến vì nó có thể tính được sai số đo lường. Chính vì vậy, phương pháp phân tích SEM được sử dụng phổ biến trong các ngành khoa học xã hội trong những năm gần đây và được gọi là phương pháp phân tích dữ liệu thế hệ thứ hai.

Sau khi phân tích nhân tố khẳng định CFA, tác giả tiếp tục sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM nhằm để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Sau khi xem xét độ phù hợp của mô hình, tác giả thực hiện kết quả phân tích mô hình SEM dựa trên bảng kết quả các hệ số đã được chuẩn hóa - Standardized Regression Weights: (Group number 1 - Default model) ở phụ lục để tổng hợp thành bảng kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM.

Bảng 11. Kết quả phân tích các chỉ tiêu đánh giá mức độ phù hợp của mô hình SEM

Chỉ số	CMIN/DF	GFI	CFI	RMSEA
Giá trị	2,569	0,903	0,92	0,067

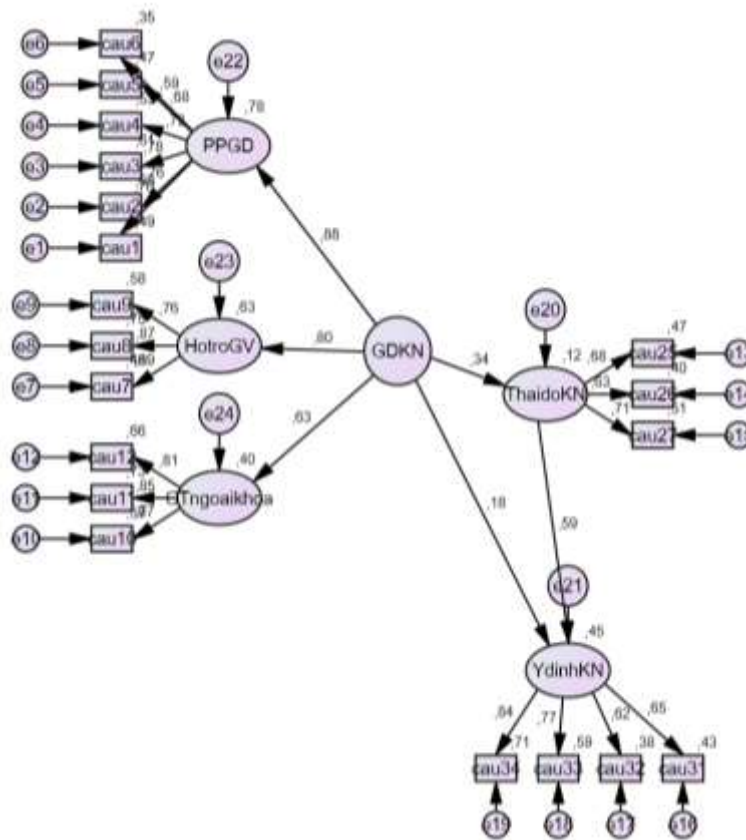
Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

Bảng 12. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Nhân tố và các biến đo lường			Hệ số chuẩn hóa	S.E.	C.R.	P-value
ThaidoKN	<---	GDKN	0,34	0,087	4,459	***
YdinhKN	<---	ThaidoKN	0,59	0,096	6,931	***
PPGD	<---	GDKN	0,88			
HotroGV	<---	GDKN	0,80	0,106	7,949	***
CTngoaihoa	<---	GDKN	0,63	0,121	7,747	***
YdinhKN	<---	GDKN	0,18	0,083	2,798	,005

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

Dựa vào bảng kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, các nhân tố đều có giá trị chuẩn hóa dương và có P-value $\leq 0,05$ nên các mối quan hệ này được đánh giá là có ý nghĩa thống kê.



Hình 3. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ AMOS

Kết quả kiểm định các giả thuyết được thể hiện ở Bảng 13:

Bảng 13. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Phát biểu	Kết luận
Giáo dục khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến thái độ khởi nghiệp (H1)	Chấp nhận
Giáo dục khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp (H2)	Chấp nhận
Thái độ khởi nghiệp có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp (H3)	Chấp nhận

Như vậy, giáo dục khởi nghiệp tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp với hệ số 0,18. Kết quả nghiên cứu này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của các tác giả như Lê Thị Trang Đài, Nguyễn Thị Phương Anh [18] và Giang Hoang và cộng sự [19]. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu này cũng chỉ ra, giáo dục khởi nghiệp tác động trực tiếp đến thái độ khởi nghiệp với hệ số 0,34 và thái độ khởi nghiệp tác động đến ý định khởi nghiệp với hệ số 0,59.

5 Kết luận và hàm ý quản trị

Bài báo đã trình bày và hệ thống được nền tảng lý thuyết liên quan đến giáo dục khởi nghiệp, bao gồm phương pháp dạy học, sự hỗ trợ của giảng viên và hoạt động ngoại khóa; thái độ khởi nghiệp; ý định khởi nghiệp. Phân tích từ kết quả khảo sát 355 sinh viên cho thấy rằng giáo dục khởi nghiệp có tác động cùng chiều với ý định khởi nghiệp với hệ số 0,18; giáo dục khởi nghiệp tác động cùng chiều đến thái độ khởi nghiệp với hệ số 0,34; và thái độ khởi nghiệp tác động đến ý định khởi nghiệp với hệ số 0,59.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, các đề xuất hàm ý quản trị nhằm phát triển giáo dục khởi nghiệp trong trường đại học như sau:

Thứ nhất, nhà trường cần được kết nối chặt chẽ vào hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của địa phương. Hệ sinh thái khởi nghiệp ở địa phương bao gồm các doanh nghiệp khởi nghiệp và các bên liên quan khác như tổ chức tài trợ vốn, các doanh nghiệp lớn, các trường đại học, các nhà cung cấp dịch vụ, chính quyền địa phương, ...

Thông thường, vai trò của đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thể hiện ở 03 khía cạnh sau: (i) đào tạo và phát triển nhân tài (doanh nhân khởi nghiệp, nhà quản lý và chuyên gia); (ii) cung cấp công nghệ cho các doanh nghiệp; và (iii) cung cấp điều kiện cơ sở hạ tầng cho các dự án khởi nghiệp. Và tất nhiên, nhiệm vụ chính là đào tạo và phát triển nhân tài cho các dự án khởi nghiệp.

Để thể hiện được các vai trò trên, đại học cần kết nối thật sự vào hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của các địa phương, và là một phần không thể tách rời của hệ sinh thái này. Trong đó, đặc biệt là kết nối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp lớn, và các hiệp hội như hội doanh nhân trẻ, hiệp hội doanh nghiệp, hội doanh nhân nữ, hoặc các cộng đồng doanh nghiệp khác.

Thứ hai, thiết kế các chương trình đào tạo giáo dục khởi nghiệp và đưa vào học phần bắt

buộc. Các trường đại học, nhất là những trường không thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý thường chưa có các học phần đào tạo về khởi nghiệp hoặc là chương trình giáo dục khởi nghiệp. Mục đích của việc thiết kế và đưa chương trình đào tạo khởi nghiệp là cung cấp tư duy, tri thức và kỹ năng khởi nghiệp cho những doanh nhân tương lai, đóng góp vào lực lượng nhân sự tài năng cho các dự án khởi nghiệp hoặc đội ngũ quản lý có tinh thần doanh chủ cho các công ty trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo khởi nghiệp sẽ giúp thúc đẩy tinh thần doanh nhân ngay trong trường đại học cho các sinh viên quan tâm, thông qua nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích. Có thêm chương trình này cũng giúp cho nhà trường thu hút thêm một lực lượng sinh viên chất lượng đến theo học trong tương lai.

Thứ ba, về phương pháp dạy học. Tất cả sáu biến quan sát về phương pháp dạy học, sinh viên đánh giá dưới mức 'đồng ý' trong thang điểm Likert 5 mức độ. Điều này cho thấy người học chưa đánh giá cao về phương pháp dạy học của đội ngũ giảng viên, đặc biệt là nội dung về cách tạo ra một doanh nghiệp, cách chuyển tải ý tưởng thành hành động và cách đánh giá ý tưởng kinh doanh. Một số gợi ý để giúp thay đổi về phương pháp dạy và học là áp dụng case study của doanh nghiệp Việt Nam để sinh viên dễ liên hệ/kết nối; dạy học theo dự án thực tế được thu thập hoặc kết nối từ hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; cho sinh viên 'tranh luận' và 'phản biện' về một ý tưởng kinh doanh hoặc một dự án kinh doanh thực tế từ danh sách case đã kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp.

Thứ tư, về sự hỗ trợ của giảng viên. Kết quả đánh giá của sinh viên về 'hỗ trợ của giảng viên' với giá trị trung bình là xấp xỉ 4. Như vậy, sinh viên có đánh giá ở mức 'đồng ý' với các nhận định về việc giảng viên thường chia sẻ những câu chuyện về kinh doanh và khởi nghiệp, khuyến khích sinh viên đưa ra ý tưởng kinh doanh và khuyến khích sinh viên làm quen với hoạt động kinh doanh và khởi nghiệp.

Để hỗ trợ sinh viên tốt hơn, các gợi ý về cách làm cho giảng viên bao gồm việc tìm kiếm, sưu tầm và chia sẻ, thảo luận về các case study về khởi nghiệp, gồm cả câu chuyện thành công và thất bại khi khởi nghiệp của những doanh nhân điển hình, của những dự án điển hình cả trong và ngoài nước. Thông qua đó, lồng ghép những tư duy khởi nghiệp đúng đắn và tinh thần doanh nhân trong việc tạo giá trị cho các bên. Bên cạnh đó, giảng viên có thể kết nối với các dự án khởi nghiệp trên địa bàn, bao gồm cả kênh online lẫn cộng đồng offline để giới thiệu cho những sinh viên quan tâm, đăng ký và tham gia với tư cách là một nhân sự của dự án. Điều này giúp sinh viên có trải nghiệm thật với dự án khởi nghiệp thật. Bài học từ trải nghiệm giúp sinh viên trưởng thành cả về tri thức lẫn kỹ năng và thái độ.

Thứ năm, về hoạt động ngoại khóa. Kết quả đánh giá của sinh viên về 'hoạt động ngoại khóa' về kinh doanh và khởi nghiệp của nhà trường là rất khiêm tốn (giá trị trung bình khoảng 3,5). Nói như vậy nghĩa là nhu cầu của sinh viên cao hơn và mức độ đáp ứng của nhà trường về việc này còn hạn chế.

Đa dạng hóa hoạt động ngoại khóa, đi vào thực chất, kết nối với doanh nhân là cựu sinh viên đến từ các tỉnh thành khác và trên địa bàn, phát triển tinh thần doanh nhân cho các câu lạc bộ/đội/nhóm của nhà trường... là những gợi ý cho nhà trường trong việc cải thiện hoạt động ngoại khóa về kinh doanh và khởi nghiệp cho sinh viên.

Thứ sáu, về thái độ đối với khởi nghiệp. Thái độ đối với khởi nghiệp giúp sinh viên có những đánh giá, nhận định, suy nghĩ đúng đắn về khởi nghiệp, bao gồm: khởi nghiệp là một lựa chọn để phát triển sự nghiệp, khởi nghiệp là một thách thức để đạt mục tiêu và trở thành doanh nhân mang lại sự hài lòng. Nhìn chung, đánh giá của sinh viên về các tiêu chí trên xấp xỉ với giá trị 4 ('đồng ý') trong thang đánh giá Likert 5 mức độ. Để cải thiện thái độ của sinh viên về khởi nghiệp, nhà trường cần cung cấp những thông tin đúng và cập nhật về giá trị của doanh nhân trong nền kinh tế, tư duy làm chủ, văn hóa 'không sợ thất bại', thấu hiểu bản thân về đam mê, năng lực,... Các sự kiện, buổi talk, workshop, cuộc thi, khóa đào tạo, seminar với cộng đồng doanh nhân và doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên định hình tư duy và thái độ đúng về khởi nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Zahoor, A. P. and Sumit, K. (2020), Does entrepreneurship education influence entrepreneurial intention among students in HEI's?, *Journal of International Education in Business*, 13(1), 55–72.
2. Doan, T. T., Sung, E. H. (2018), Relationship between entrepreneurship education and innovative startup intentions among university students, *International Journal of Entrepreneurship*, 22(3), 1–16.
3. Hien, D. T. T., Cho, S. E. (2018), Relationship between entrepreneurship education and innovative start-up intentions among university students, *International Journal of Entrepreneurship*, 22(3), 1–16.
4. Liñán, F., Fayolle, A. (2015), A systematic literature review on entrepreneurial intentions: Citation, thematic analyses, and research agenda, *Int Entrep Manag J* 11, 907–933. <https://doi.org/10.1007/s11365-015-0356-5>.

5. Phan Anh Tú, Trần Quốc Huy (2017), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 48, 96–103.
6. Phan Quốc Việt, Trác Anh Hào (2020), Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Trường Đại học Phan Thiết, *Tạp chí Công thương*, 18.
7. Astebro, T., Bazzazian, N., & Braguinsky, S. (2012), Startups by recent university graduates and their faculty: Implications for university entrepreneurship policy, *Research Policy*, 41(4), 663–677.
8. Parton, B., Robb, A., Valerio, A. (2014), Entrepreneurship education and training programs around the world: Dimensions for success, *Directions in development, human development Washington, D.C.: World Bank Group*.
9. Souitaris, V., Zerbinati, S., Al-Laham, A. (2007), Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources, *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566–591.
10. Arranz, N., Ubierna, F., Arroyabe, M. F., Perez, C., & Arroyabe, F. D. (2017), The effect of curricular and extracurricular activities on university students' entrepreneurial intention and competences, *Studies in Higher Education*, 42(11), 1979–2008.
11. Krueger, N. F., Reilly, M. D., Carsrud, A. L. (2000), Competing models of entrepreneurial intentions, *Journal of Business Venturing*, 15, 411–432.
12. Ajzen, I. (1991), The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human decision Processes*, 50(2), 179–211.
13. Lê Ngọc Đoan Trang, Nguyễn Minh Lầu (2019), Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Cửu Long, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cửu Long*, 16, 24–35.
14. Ngô thị Thanh Tiên (2016), Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên, *Tạp chí khoa học Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 11(3), 102–111.
15. Sobel, R. S., & King, K. (2008), Does school choice increase the rate of youth entrepreneurship?, *Economics of Education Review*, 27(4), 429–438.
16. Pittaway, L., Rodriguez-Falcon, E., Aiyegbayo, O., King, A. (2011), The role of entrepreneurship clubs and societies in entrepreneurial learning, *International Small Business Journal*, 29, 37–57.

17. Moberg, K. (2014), *Assessing the Impact of Entrepreneurship Education: From ABC to PhD*, Copenhagen Business School [Phd], PhD series No. 19.2014.
18. Lê Thị Trang Đài, Nguyễn Thị Phương Anh (2016), Các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng, *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*, 5(62), 83–88.
19. Giang Hoang, Thuy Thu Thi Le, Anh Kim Thi Tran (2021), Entrepreneurship education and entrepreneurial intentions of university students in Vietnam: The mediating roles of self-efficacy and learning orientation, *Education + Training*, 63(1), 115–133.